ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /GP-UBND	*Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/HQ15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 4317/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa"; số 3145/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa) diện tích 38,088 ha; số 1857/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa của Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/12/2025 của Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 39/TTr-SNNMT ngày 10/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36, (mã số thuế 2802936284; địa chỉ: thôn Thông Bái, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp thuộc xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: Đất làm vật liệu san lấp.

b) Khoáng sản đi kèm: Không.

2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 38,088 ha.

b) Mức sâu khai thác: Từ + 144,42 (m) đến +27,5 (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác: 3.165.272 m^3.

a) Khoáng sản chính: 3.165.272 m^3.

b) Khoáng sản đi kèm: Không.

5. Công suất khai thác tối đa: 330.000 m^3/năm.

6. Thời gian khai thác: 10 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 05 tháng.

Điều 2. Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36 có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các nội dung khác:

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng.

- Trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có), tổ chức, cá nhân phải lập đề án thăm dò bổ sung, gửi cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận kết quả thăm dò bổ sung.

- Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học trong khu vực khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

- Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản mà khu vực khai thác khoáng sản còn trữ lượng và giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, phải tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để điều chỉnh giấy phép theo quy định.

- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng

ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36 chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Địa chất và Khoáng sản;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Trường Lâm;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty CP Khai thác khoáng sản và Đầu tư NS36;
- Lưu VT, CN (T01.66).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP
TẠI XÃ TRƯỜNG LÂM, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN 2000** *(Kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0)*	
	X (m)	***Y (m)***
1	2141 918.00	570 088.00
2	2141 888.00	570 718.00
3	2141 585.26	570 868.37
4	2141 371.00	570 916.00
5	2141 278.00	570 746.00
6	2141 318.00	570 540.00
7	2141 505.00	570 188.00
8	2141 698.00	570 088.00
Diện tích khu vực khai thác: 38,088 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất: +144,42 (m) **Mức sâu khai thác thấp nhất: +27,5 (m)**		